

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành

Bà Nguyễn Thị Mỹ An

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Kiều L**, sinh năm: 197x

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 197x

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Kiều L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên An ngày 24/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ của ông tại thôn Phú Ân Nam 5, xã Diên An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2017, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, nhất là về vấn đề tài chính. Bà N không có đưa tiền cho ông để lo các khoản chi tiêu của gia đình nhưng thỉnh thoảng lại có người lạ mặt đến nhà hăm dọa, tìm gặp bà N để yêu cầu trả nợ; ông hỏi nhưng bà N không trả lời khiến ông luôn bị căng

thẳng vì không hiểu rõ sự việc gì đã xảy ra. Bà N không có trách nhiệm với gia đình; hầu như ngày nào bà N cũng đi sớm đến tối mới về nhà nhưng không nói đi đâu, làm gì. Ông đã cố gắng nhường nhịn để gia đình hòa thuận nhưng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Mấy năm nay, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống; mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Trước đây, năm 2021, ông đã từng làm đơn khởi kiện ly hôn nhưng vì muốn tạo cơ hội cho bà N sửa đổi nên ông đã rút đơn khởi kiện, nhưng sau đó, bà N vẫn không thay đổi. Nay ông xác định không còn tình cảm, không còn niềm tin với bà N; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Kiều Minh T, sinh ngày 06/8/200x và Kiều Minh T1, sinh ngày 19/5/200x; hiện nay hai con đang sống chung nhà với vợ chồng ông. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, ban ngày ông làm lao động tự do, ban đêm làm bảo vệ ở trường học; thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng; với thu nhập nêu trên cơ bản đủ chi tiêu cho bản thân ông và nuôi dưỡng, chăm sóc hai con được tốt.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Kiều L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên An ngày 24/12/2004 đúng như nguyên đơn ông L trình bày. Quá trình chung sống, do vợ chồng không hợp tính tình nên ít có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Bà thừa nhận có việc bà tự ý vay tiền của người khác mà không nói cho ông L biết vì nghĩ sẽ tự trả nợ tiền vay đúng hạn, nhưng bà không trả được dẫn đến việc có người đến nhà đòi nợ bà. Hàng ngày, bà đi làm sớm để phụ bán cơm ở thành phố Nha Trang đến tối mới về nhưng bà không nói cho ông L biết là bà đi đâu, làm gì. Bà thừa nhận hành vi ứng xử nêu trên là không đúng và dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mấy năm nay. Tuy nhiên, hiện bà đã trả hết các khoản nợ mà bà tự vay và còn tình cảm với ông L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là Kiều Minh T và Kiều Minh T1 đúng như ông L trình bày. Trường hợp Tòa án xử ly hôn thì bà đồng ý giao hai con chung ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 18 tuổi; bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Kiều L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N; giao hai con chung cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà N. Các đương sự không có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết. Nguyên đơn ông L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

[1.1]. Ngày 24/12/2004, ông Kiều L và bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 55, Quyền số: 01/2004; nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2]. Ông L xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; hiện tại, ông L không còn tình cảm, không còn niềm tin với bà N; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N. Bà N không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với ông L. Xét thấy, tại phiên tòa, cả ông L và bà N đều thừa nhận quá trình chung sống, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Bà N tự ý vay tiền của người khác mà không nói cho ông L biết là vay của ai, bao nhiêu tiền và sử dụng làm gì; thỉnh thoảng có người lạ mặt đến nhà đòi nợ bà N. Đồng thời hàng ngày, bà N sáng đi sớm đến tối mới về nhưng cũng không nói cho ông L biết là đi đâu, làm gì. Sự việc này diễn ra trong một thời gian dài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác, ông L từng khởi kiện ly hôn bà N và đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn đoàn tụ gia đình. Nhưng đến nay, vợ chồng ông L và bà N vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông L.

[2]. Về con chung: Ông L và bà N xác định vợ chồng có hai con chung là Kiều Minh T, sinh ngày 06/8/200x và Kiều Minh T1, sinh ngày 19/5/200x. Trường hợp ly hôn, ông L và bà N thống nhất giao hai con chung cho ông L trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; bà N không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của ông L và bà N là tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Ông Kiều L và bà Nguyễn Thị Kim N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Kiều L và bà Nguyễn Thị Kim N xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn ông L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Kiều L được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim N.

2. Về con chung:

2.1. Giao hai con chung là Kiều Minh T, sinh ngày 06/8/200x và Kiều Minh T1, sinh ngày 19/5/200x cho ông Kiều L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Kim N không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, ông Kiều L, bà Nguyễn Thị Kim N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Kiều L và bà Nguyễn Thị Kim N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Kiều L và bà Nguyễn Thị Kim N xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Kiều L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông Kiều L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007906 ngày 15/6/2022 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Như vậy, ông Kiều L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Ông Kiều L, bà Nguyễn Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên An, huyện Diên Khánh
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín